

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/DS-PT
Ngày: 12 – 4 - 2024
V/v Tranh chấp thừa kế về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Bà Đỗ Thị Thắm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp thừa kế về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tây Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 223/2023/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T; Cư trú: Khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Phan Văn T1; Cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2021). (có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T2 (có mặt)

Ông Dương Văn S (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ C, khối A, TT P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn S:* Bà Nguyễn Thị T2;
Cư trú: Tổ 3, khối A, TT P, huyện T, tỉnh Bình Định (theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2021). (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Lê Duẩn D – Luật sư thuộc Công ty TNHH một thành viên L1; Địa chỉ: Số B đường B, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Dương Thị L (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
 2. Ông Dương Hồng S1 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
 3. Bà Dương Thị H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
- Cùng cư trú: Tổ 3, khối A, thị trấn P, huyện T, Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Cụ Nguyễn Đào c năm 1976, cụ Nguyễn Thị T3 chết năm 2010, có 02 người con chung: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T2.

Khi còn sống hai cụ tạo lập được nhà và đất tại thửa đất số 91 và 91A, tờ bản đồ số 3, diện tích là 1.930m² đất tọa lạc tại khối A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy trích lục địa bộ - kỳ chánh phủ của chế độ cũ cấp cho cụ Nguyễn Đ tại làng K. Năm 1983 cụ Thể cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, ông Dương Văn S diện tích đất 333m² nên còn lại diện tích 1.597m² đất, nhưng quá trình sử dụng đất ông S đã kê khai luôn phần diện tích đất 1.597m² nên UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Văn S vào năm 1997, trong đó thửa đất số 91 có diện tích 333m² (200m² đất ở và 133m² đất vườn) và thửa 91A diện tích là 1.597m² (200m² đất ở và 1.397m² đất vườn).

Năm 2008 cụ Thể khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với vợ chồng ông S, bà T2 và TAND huyện Tây Sơn giải quyết bằng bản án số 106/2009/DSST ngày 10/9/2009 công nhận ngôi nhà diện tích 101,75m² nằm trên diện tích đất ở, đất vườn 1.165,7m², tờ bản đồ số 3, số thửa 91A, thị trấn P là tài sản của vợ chồng bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Đ (đã chết) bà T3 được quyền tiếp tục quản lý sử dụng. Kiến nghị UBND huyện T thu hồi thửa 91A, tờ bản đồ số 3 của ông Dương Văn S và giao cho bà Nguyễn Thị T3 sử dụng và điều chỉnh giấy chứng nhận QSD đất cho ông Dương Văn S cho phù hợp với thực tế.

Năm 2010 cụ Thể chết, sau đó bà T đã nhiều lần yêu cầu bà T2 chia thửa đất 91A cho bà và bà T2 được sử dụng di sản của cha mẹ để lại nhưng bà T2 không đồng ý. Khi còn sống mẹ bà có nhờ người viết giấy ủy quyền giao ngôi nhà cho bà trọn

quyền sử dụng và lo thờ cúng, nên bà yêu cầu Tòa án công nhận ngôi nhà là thuộc sở hữu của bà. Phần còn lại chia theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận thêm phần công sức đóng góp nuôi cụ Thể, làm ma chay thờ cúng, nên yêu cầu chia di sản làm 03 phần, bà được nhận 02 phần, bà xin nhận hiện vật là đất. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Dương Văn S thống nhất trình bày:

Ông bà thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời gian chết của cha mẹ. Bà thừa nhận nguồn gốc đất hiện bà đang quản lý sử dụng là do cha mẹ (N-Nguyễn Thị T3) có trước năm 1975 tạo lập từ trước năm 1975, nhưng quá trình sử dụng đất vợ chồng bà kê khai đất được Nhà nước cân đối giao cho hộ Dương Văn S vào ngày 27/9/1997, tại thời điểm cấp đất cho hộ không có bà Nguyễn Thị T mà chỉ có vợ chồng bà là Nguyễn Thị T2, Dương Văn S và mẹ bà Nguyễn Thị T3 và các con bà Dương Thị L, Dương Hồng S1, Dương Thị H nên không còn đất của cha mẹ để lại, bà không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của bà T.

Theo bản án số 106/2009/DSST ngày 10/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã xác định diện tích 1.165,7m² đất vườn, trên đất có 01 ngôi nhà diện tích đất ở 101,75m² của vợ chồng bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Đ thì bà đồng ý diện tích theo bản án, từ khi cụ Thể chết giữa bà và bà T chưa có thỏa thuận phân chia di sản gì hết. Nếu có căn cứ nguồn gốc thừa đất 91A của cụ Đ-cụ Thể thì bà yêu cầu chia thừa kế bằng đất, chia theo nhân khẩu cho hộ ông Dương Văn S gồm 6 phần, trong đó phần của vợ chồng bà và các con là 05 phần, còn 01 phần của bà T3 là chia cho bà ½, bà T ½ và yêu cầu tính công sức bảo quản di sản của cha mẹ từ năm 2010 đến nay theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H, bà Dương Thị L, ông Dương Hồng S1 trình bày: Các ông bà thống nhất như lời trình bày của bị đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của ông bà ngoại và di sản của ông bà ngoại để lại cũng như giá trị. Không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn vì đất này đã cấp cho hộ cha mẹ các ông bà là Dương Văn S và Nguyễn Thị T2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn quyết định:

1. Bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 807,9m² (trong đó 100m² đất ở và 707,9m² đất vườn) và được sở hữu nhà có diện tích 27,1m² nằm trên thửa đất số 91A, tờ bản đồ số 3 nay là thửa 121, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khối A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có vị trí giới cận: Đông giáp đất bà Nguyễn Thị T2; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp Mương Văn P và được sở hữu số cây trên đất gồm: 28 cây Sầu đông; 01

cây Sa kê; 06 cây Cau; 03 cây Chùm ruột; 05 cây Măng cầu; 01 cây Nhãn; 06 cây Huỳnh đàn; 01 cây Cối; 02 bụi Tre. (Có sơ đồ kèm theo, kí hiệu Khu C).

2. Bà Nguyễn Thị T tự tháo dỡ diện tích nhà 3,7m² của một phần nhà bếp mã hiệu N9 và tháo dỡ diện tích nhà 6,1m² của một phần nhà N8 nằm trên phần đất giao cho bà. (Theo sơ đồ bản vẽ).

3. Bà Nguyễn Thị T2 được quyền sử dụng đất diện tích 807,8m² (trong đó 100m² đất ở và 707,8m² đất vườn) và được sở hữu 01 phần nhà bếp mã hiệu N9 có diện tích 6,6m² và 01 phần nhà N8 có diện tích 21,7m², 02 phần nhà đã hết giá trị khấu hao nằm trên thửa đất số 91A, tờ bản đồ số 3 nay là thửa 121, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khối A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có vị trí giới cận: Đông giáp: Thửa 92A của Huỳnh Kim C và thửa 91 của Dương Văn S; Tây giáp đất bà Nguyễn Thị T; Nam giáp đường bê tông và thửa 91 Dương Văn S; Bắc giáp Mương Văn P và được sở hữu số cây trên đất do vợ chồng bà (Nguyễn Thị T2-Dương Văn S) trồng, gồm: 03 cây Sầu đông; 06 cây Mít; 01 cây Bưởi; 01 cây Gió; 01 cây Mận; 01 cây xoài; 04 cây xà cừ; 01 cây chuối; 02 cây Huỳnh đàn (Có sơ đồ kèm theo, kí hiệu Khu B) và được sở hữu 05 cây lộc vừng.

4. Bà Nguyễn Thị T2 tự nhổ 05 cây lộc vừng do bà trồng nằm trên phần đất giao bà Nguyễn Thị T. (Theo sơ đồ bản vẽ).

5. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho:

- Bà Nguyễn Thị T2 số tiền 2.540.455 (Hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng.

- Ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị T2 số tiền 6.540.000 (Sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Ông Dương Văn S số tiền 138.540 (Một trăm ba mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi) đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

* Ngày 12/6/2023 bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, ngày 17/11/2023 bà T2 có gửi bản tự khai nêu rõ yêu cầu kháng cáo các vấn đề sau: Cấp sơ thẩm xác định kỷ phần của cụ ông Nguyễn Đ, cụ bà Nguyễn Thị T3 không đúng theo bản án số 106/2009/DSST ngày 10/9/2009 của TAND huyện Tây Sơn đã có hiệu lực pháp luật và đề nghị công nhận phần phần diện tích đôi dư là của bà Nguyễn Thị T2 không nằm trong kỷ phần của cụ Đ, cụ Thế; Giao nhà thờ cho bà Nguyễn Thị T quản lý sử dụng là không có căn

cứ nên đề nghị chia đôi căn nhà; Yêu cầu chia lại diện tích nhà và đất cho bà Nguyễn Thị T2 cùng nhìn ra hướng mặt tiền đường bê Tông.

* Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Yêu cầu tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà ^{Nguyễn Thị T2} nhưng sửa bản án cho phù hợp với biên bản định giá của cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2, hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Về hàng thừa kế: Các bên đương sự thống nhất cụ Nguyễn Đào c năm 1976, cụ Nguyễn Thị T3 chết năm 2010, hai cụ có 02 người con là bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị T2, hai cụ không có con nuôi con riêng nào khác. Theo Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì người thừa kế theo pháp luật của cụ Đ, cụ Thể là bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị T2.

[1.2] Về di sản thừa kế: Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 106/2009/DSST ngày 10/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn có hiệu lực đã quyết định: Công nhận ngôi nhà diện tích 101,75m² nằm trên diện tích 1.165,7m² (trong đó: 200m² đất ở, 965,7m² đất vườn) thuộc tờ bản đồ số 3, số thửa 91A tọa lạc tại khối A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định là tài sản của vợ chồng cụ Nguyễn Thị T3, cụ Nguyễn Đào . Có vị trí giới cận: Đông giáp Thửa 92A của Huỳnh Kim C và thửa 91 của Dương Văn S; Tây giáp đường đi; Nam giáp đường đi và thửa 91 Dương Văn S; Bắc giáp Mương Văn P (theo bản đồ 299) nên đây là di sản của cụ Đ và cụ Thể để lại chưa chia. Theo bản đồ VN-2000 thì thửa đất số 91A đã chỉnh lý biến động thành một phần của thửa đất số 121, tờ bản đồ số 11 (thửa đất 121 bao gồm thửa đất số 91 và 91A).

Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 21/3/2023 của Tòa án cấp phúc thẩm thì thửa đất tranh chấp 91A có diện tích 1.615,7m² (trong đó: 200m² đất ở và 1.415,7m² đất vườn) so với diện tích đăng ký kê khai tại sổ mục kê đất tại địa phương và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 91A có diện tích 1.597m² thì thực tế đo đạc tăng 18,7m². Qua xác minh UBND thị trấn P (BL 192) xác nhận phần diện tích tăng

18,7m² đất vườn là do sai số qua các lần đo giữa đo tay và đo máy và thửa đất này sử dụng từ trước năm 1973 đến nay không có tranh chấp của hộ liền kề, vị trí ranh giới không thay đổi. Do đó, có căn cứ xác định diện tích thực tế của thửa đất tranh chấp 91A là 1.615,7m² (200m² đất ở và 1.415,7m² đất vườn). Bản án sơ thẩm số 106/2009/DSST ngày 10/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xác định thửa đất 91A có diện tích 1.165,7m² (trong đó: 200m² đất ở, 965,7m² đất vườn) là sai sót trong đo đạc, không đúng với thực tế.

Ngoài ra, trên thửa đất 91A còn có các tài sản là nhà bếp diện tích 10,3m² xây dựng năm 1969 đã hết giá trị sử dụng; nhà ở hiệu N8 diện tích 27,8m² xây dựng năm 1969 đã hết giá trị sử dụng; nhà ở mã hiệu N7 diện tích 27,1m² xây năm 2008 theo biên bản định giá ngày 21/3/2023 của Tòa án cấp phúc thẩm có giá trị 21.747.000 đồng.

Như vậy di sản để lại gồm thửa đất 91A là 1.615,7m² (200m² đất ở và 1.415,7m² đất vườn) và tài sản trên đất là ngôi nhà ở mã hiệu N7 diện tích 27,1m² xây năm 2008 có giá trị 21.747.000 đồng. Cụ Đ, cụ Thê chết không để lại di chúc nên di sản được chia thừa kế theo pháp luật. Do đó, bà T2 kháng cáo yêu cầu xác định kỹ phần của cụ ông Nguyễn Đ, cụ bà Nguyễn Thị Thê t bản án số 106/2009/DSST ngày 10/9/2009 của TAND huyện Tây Sơn và đề nghị công nhận phần phần diện tích dôi dư so với bản án số 106 cho bà T2 là không có cơ sở.

[2.3] Phân chia di sản thừa kế:

Cấp sơ thẩm chia cho Bà Nguyễn Thị T được quản lý sử dụng diện tích 807,9m² đất (trong đó 100m² đất ở và 707,9m² đất vườn) gắn liền với nhà ở N7, diện tích 27,1m² do cụ Thê xây dựng năm 2008 bao gồm hai mặt tiền: mặt tiền phía Nam giáp đường bê tông hơn 10 mét, mặt tiền phía Tây giáp đường bê tông dài hơn 70 mét. Bà Nguyễn Thị T2 được quản lý sử dụng diện tích 807,8m² (trong đó 100m² đất ở và 707,8m² đất vườn) chỉ có mặt tiền phía Nam hướng ra đường bê tông 3,4 mét. Cách chia của Tòa cấp sơ thẩm là không phù hợp với vị trí, hình thể thửa đất, và không đảm bảo về mặt giá trị thực tế vì bà T được chia 02 mặt tiền (mặt tiền dài 10m và mặt tiền dài 70m), bà T2 chỉ được chia mặt tiền dài 3,4m. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chia lại hiện vật là quyền sử dụng đất cho phù hợp với hình thể thửa đất và giá trị thực tế của thửa đất.

- Giao cho bà Nguyễn Thị T được quản lý sử dụng diện tích 807,9m² (trong đó 100m² đất ở và 707,9m² đất vườn) trên đất có một số cây trồng của vợ chồng bà T2, ông S. (ký hiệu là khu đất A trên bản vẽ ngày 21/3/2024).

- Giao Bà Nguyễn Thị T2 được quản lý sử dụng diện tích 807,8m² (trong đó 100m² đất ở và 707,8m² đất vườn) và ngôi nhà ở trên đất mã hiệu N7 diện tích 27,1m² xây năm 2008 có giá trị 21.747.000 đồng (ký hiệu là khu đất A trên bản vẽ ngày 21/3/2024) và bà T2 phải bồi lại ½ giá trị ngôi nhà cho bà T là 10.873.500 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng bà T2 với tư cách là cá nhân và đại diện cho chồng là ông S tự nguyện thống nhất những cây trồng của vợ chồng bà T2 ông S trên phần đất giao cho bà T không có giá trị lớn nên ông bà không yêu cầu bà T bồi lại giá trị cho vợ chồng ông bà.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2 sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia lại hiện vật là quyền sử dụng đất cho phù hợp với hiện trạng và quy định pháp luật.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm 10.000.000 đồng và tại cấp phúc thẩm 10.000.000 đồng bà T và bà T2 mỗi người phải chịu 10.000.000 đồng (bà T và bà T2 đã nộp đủ).

[6] Về án phí:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T2 và ông Dương Văn S là người cao tuổi nên không phải chịu án.

[6.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị T2 không phải chịu.

[7] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị T2 yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T2 là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T2 nhưng sửa bản án cho phù hợp với biên bản định giá của cấp phúc thẩm là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 688, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;
Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý sử dụng diện tích 807,9m² (trong đó 100m² đất ở và 707,9m² đất vườn) trên đất có một số cây trồng của vợ chồng bà T2, ông S là một phần thửa đất số 91A, tờ bản đồ số 3 nay là thửa 121, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khối A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (Có số đo và tứ cận theo bản vẽ ngày 21/3/2024 kèm theo, ký hiệu là khu đất A trên bản vẽ).

3. Giao Bà Nguyễn Thị T2 được quản lý sử dụng diện tích 807,8m² (trong đó 100m² đất ở và 707,8m² đất vườn) và sở hữu ngôi nhà ở trên đất mã hiệu N7 diện tích 27,1m² xây năm 2008 là một phần thửa đất số 91A, tờ bản đồ số 3 nay là thửa 121, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khối A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (Có số đo và tứ cận theo bản vẽ ngày 21/3/2024 kèm theo, ký hiệu là khu đất B trên bản vẽ)

4. Bà Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ thối lại phần chênh lệch được hưởng cho bà Nguyễn Thị T 10.873.500 đồng (1/2 giá trị ngôi nhà diện tích 27,1m²).

5. Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, ông Dương Văn S không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thối lại giá trị những cây trồng của vợ chồng ông D1 bà T2 trên phần đất giao cho bà Nguyễn Thị T.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm 10.000.000 đồng và tại cấp phúc thẩm 10.000.000 đồng bà T và bà T2 mỗi người phải chịu 10.000.000 đồng (bà T và bà T2 đã nộp xong)

7. Về án phí:

7.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T2 và ông Dương Văn S không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 2.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp đồng theo biên lai thu số 0004369 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

7.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T2 không phải chịu.

8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

8.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tây Sơn;
- CCTHADS huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng